

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 216/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25/6/2021

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Châu Vũ Sơn

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Trí;

2. Ông Trịnh Văn Bé.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh Huyện C M.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M, tỉnh Huyện C M không tham gia phiên tòa.***

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 189/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 233/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp M T, thị trấn M L, huyện C M, tỉnh A G; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Hồng H là luật sư Nguyễn Văn Ph – Văn phòng luật sư Nguyễn Văn Ph, thuộc đoàn luật sư tỉnh A G; có đơn xin xét xử vắng mặt.

***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp M T, thị trấn M L, huyện C M, tỉnh A G; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày, bà và ông T sau thời gian tự tìm hiểu sống chung với nhau có đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M L, huyện C M, tỉnh A G, vào ngày 19/6/2000. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 03 con chung tên Nguyễn Minh P, sinh ngày 21/6/1993; Nguyễn Thị Hồng Th, sinh ngày 04/7/1995; Nguyễn Thanh N, sinh ngày 08/4/2000 (hiện tại các con chung đã thành niên). Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Sau thời gian chung sống đến năm 2010, bà H, ông T thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, ông T không lo làm ăn, mỗi khi nhậu về ông T hay kiểm chuyện đánh vợ con. Vợ chồng không còn sống chung khoảng 10 năm nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu được ly hôn với T; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Do bận đi làm ăn xa, bà H có ý kiến xin xét xử vắng mặt, bà không khiếu nại gì về sau.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng nhận kết hôn số 60/2000, quyển số 01/2000 do Ủy ban nhân dân thị trấn M L, huyện C M, tỉnh A G cấp ngày 19/6/2000 (bản sao); Giấy khai sinh của Nguyễn Minh P do Ủy ban nhân dân thị trấn M L huyện C M cấp ngày 06/7/1993 (bản sao), Giấy khai sinh của Nguyễn Thị Hồng Th do Ủy ban nhân dân thị trấn M L huyện C M cấp ngày 19/6/2000; Giấy khai sinh Nguyễn Thanh N do Ủy ban nhân dân thị trấn M L huyện C M cấp ngày 19/6/2000 (bản sao).

*Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Nguyễn Văn Ph có văn bản trình bày ý kiến:

- Về hôn nhân: Bà H và ông T sau thời gian tự tìm hiểu sống chung với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn M L, huyện C M, tỉnh Huyện C M, ông bà sống chung H Ph đến đầu năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống thường xuyên cự cãi, tính tình không phù hợp nhau, ông T không lo làm ăn. Bà và ông T không còn sống chung từ đầu năm 2010 cho đến nay, như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung giữa bà H, ông T không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H với ông T.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung Nguyễn Minh P, sinh ngày 21/6/1993; Nguyễn Thị Hồng Th, sinh ngày 04/7/1995; Nguyễn Thanh N, sinh ngày 08/4/2000 (hiện nay các con chung đã thành niên)

- Về T sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng H xác định không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

Bà Nguyễn Thị Hồng H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T cư trú ấp M T, thị trấn M L, huyện C M, tỉnh A G, Tòa án nhân dân huyện C M thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn T đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vắng mặt, bà Nguyễn Thị Hồng H, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Hồng H là luật sư Nguyễn Văn Ph có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

##### **[2.1] Về hôn nhân:**

Bà H và ông T sau thời gian tự tìm hiểu sống chung với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn M L, huyện C M, tỉnh Huyện C M, ông bà sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống thường xuyên cự cãi, tính tình không phù hợp nhau, ông T không lo làm ăn. Bà và ông T không còn sống chung từ đầu năm 2010 cho đến nay, như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung giữa bà H, ông T không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông T nhưng ông T không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà H. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H với ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà H xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 03 con chung Nguyễn Minh P, sinh ngày 21/6/1993; Nguyễn Thị Hồng Th, sinh ngày 04/7/1995; Nguyễn Thanh N, sinh ngày 08/4/2000 (hiện nay các con chung đã thành niên).

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; *điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*, bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 53, các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

#### **- Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng H.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn 60 ngày 19/6/2000 do Ủy ban nhân dân thị trấn M L, huyện C M, tỉnh Huyện C M cấp cho bà Nguyễn Thị Hồng H, ông Nguyễn Văn T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Hồng H, ông Nguyễn Văn T trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 03 con chung Nguyễn Minh P, sinh ngày 21/6/1993; Nguyễn Thị Hồng Th, sinh ngày 04/7/1995; Nguyễn Thanh N, sinh ngày 08/4/2000 (hiện nay các con chung đã thành niên).

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0006169 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C M, tỉnh AG cấp ngày 10 tháng 3 năm 2021; bà Nguyễn Thị Hồng H đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Đương sự có mặt tham gia phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa

hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện C M (2);
- TAND tỉnh Huyện C M (1);
- Chi cục THADS huyện C M (1);
- UBND thị trấn M L, huyện C M, tỉnh Huyện C M (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Vũ Sơn**